TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI

Bản án số: 71/2023/HNGĐ- ST
Ngày 29-6-2023
V/v ly hôn, nuôi con
chung sau khi ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Khiếu

- Ông Hoàng Đình Văn

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên Yên tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30-5-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13-6-2023 giữa;

Nguyên đơn: Chị Hứa Thị N, sinh năm 1983- Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Nông Văn B, sinh năm 1979- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2023 và biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Hứa Thị N trình bày: Chị N và anh Nông Văn B kết hôn với nhau ngày 27-10-2003, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh B không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu về nhà chửi mắng vợ con. Chị N khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B không thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020. Chị N xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị N và anh B có ba con chung tên là Nông Thị T, sinh ngày 15-12-2004; Nông Thị L, sinh ngày 22-11-2012 và Nông Thị H, sinh ngày

22-11-2012. Cháu Nông Thị T trên 18 tuổi trưởng thành chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai cháu Nông Thị L và Nông Thị H còn nhỏ chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu L và H, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Nông Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh B vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng, thư ký thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng đân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị N được ly hôn anh B; giao hai cháu Nông Thị L và Nông Thị H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con; chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Chị Hứa Thị N và anh Nông Văn B kết hôn với nhau ngày 27-10-2003, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh B không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu về nhà chửi mắng vợ con. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020. Tại phiên tòa chị N vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ

án cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt chị N xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Về phía anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không lý do. Mặc dù anh B biết việc chị N xin ly hôn nhưng anh B không có ý kiến gì. Trong biên bản xác minh ngày 22-5-2023 tại Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Y nơi chị N và anh B cư trú, sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh B là do anh B không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu về nhà chửi mắng vợ con, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị N và anh B là trầm trọng. đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị N được ly hôn anh B.

{4} *Về con chung*: Chị N và anh B có ba con chung tên là Nông Thị T, sinh ngày 15-12-2004; Nông Thị L, sinh ngày 22-11-2012 và Nông Thị H, sinh ngày 22-11-2012. Cháu T trên 18 tuổi chị N không yêu cầu giải quyết. Cháu L và cháu H còn nhỏ chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị N vắng mặt, nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu nuôi hai con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh B được Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa án để giải quyết việc nuôi con chung nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù anh B biết việc chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu L và cháu H, nhưng anh B không có ý kiến gì. Xét thấy: Cháu T trên 18 tuổi trưởng thành chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn hai cháu L và H hiện nay đang sống cùng chị N, hai cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng chị N. do đó yêu cầu này của chị N là có căn cứ phù hợp nguyện vọng của các con, phù hợp với pháp luật, phù hợp với thực tế nên được chấp nhận. Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu L và cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

{6} *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Chị Hứa Thị N được ly hôn anh Nông Văn B

2- Về con chung xử: Giao hai cháu Nông Thị L, sinh ngày 22-11-2012 và Nông Thị H, sinh ngày 22-11-2012 cho chị Hứa Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nông Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- Về án phí: Chị Hứa Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0003545 ngày 28-4-2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo: Chị Hứa Thị N, anh Nông Văn B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
-UBND xã K;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh